ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ 1 (2026-2027)
MÔN: LỊCH SỬ 12

I. Nội dung kiểm tra:

CHỦ ĐỀ 1. THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH

BÀI 1. LIÊN HỢP QUỐC

1. Một số vấn đề cơ bản về Liên hợp quốc

a) Bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành

- *Bối cảnh lịch sử*

Vào giai đoạn cuối của Chiến tranh thế giới thứ hai, tình hình thế giới có những chuyển biến quan trọng. Sức mạnh và ưu thế trên chiến trường thuộc về phe Đồng minh chống phát xít. Việc tổ chức lại thế giới sau chiến tranh càng trở nên cấp bách. Chiến tranh diễn ra càng khốc liệt thì ý tưởng về một tổ chức quốc tế thực sự có vai trò trong việc duy trì hòa bình thế giới càng rõ nét.

Khi Chiến tranh thế giới thứ hai đang diễn ra, các nước Đồng minh chống phát xít đã mong muốn thiết lập một tổ chức quốc tế để bảo vệ hòa bình, an ninh thế giới thay thế cho Hội Quốc liên.

Trong bối cảnh đó, các nước Liên Xô, Mỹ, Anh triển khai các hoạt động để thành lập Liên hợp quốc.

- *Quá trình hình thành*

Ngày 1-1-1942, đại diện 26 nước đã kí bản Tuyên bố Liên hợp quốc, cam kết hợp tác trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít. Tuyên bố này tạo cơ sở cho việc hình thành Liên hợp quốc.

Từ năm 1943, các nước đã thỏa thuận được một số điểm cơ bản về cơ cấu Liên hợp quốc, Đại hội đồng, thành viên thường trực Hội đồng Bảo an...

Tại Hội nghị Tê-hê-ran (I-ran, từ ngày 28 - 11 đến ngày 1-12-1943), ba nước Liên Xô, Mỹ, Anh khẳng định quyết tâm thành lập Liên hợp quốc.

Tại Hội nghị I-an-ta (Liên Xô, tháng 2 – 1945), ba nước Liên Xô, Mỹ, Anh đã ra quyết định về việc thành lập Liên hợp quốc và đồng ý triệu tập hội nghị để thông qua Hiến chương Liên hợp quốc.

Từ ngày 25-4-1945 đến ngày 26-6-1945, một hội nghị quốc tế được tổ chức tại Xan Phran-xi-xcô (Mỹ) với sự tham gia của đại biểu 50 nước đã thông qua bản Hiến chương Liên hợp quốc.

Sau khi Hiến chương Liên hợp quốc được Quốc hội các nước phê chuẩn, ngày 24-10-1945, Liên hợp quốc chính thức được thành lập với 51 nước thành viên.

b) Mục tiêu, nguyên tắc hoạt động

Mục tiêu của Liên hợp quốc được quy định trong Hiến chương Liên hợp quốc.

Trong số các mục tiêu của Liên hợp quốc, mục tiêu duy trì hòa bình và an ninh quốc tế được chú trọng và là cơ sở để thực hiện các mục tiêu khác.

Để đảm bảo Liên hợp quốc là một tổ chức quốc tế thực sự phục vụ mục tiêu chung của cộng đồng quốc tế, Hiến chương Liên hợp quốc quy định rõ các nguyên tắc hoạt động của tổ chức này.

Toàn bộ các hoạt động của Liên hợp quốc kể từ khi thành lập đến nay được thực hiện dựa trên cơ sở những mục tiêu và nguyên tắc hoạt động do Hiến chương quy định.

2. Vai trò của Liên hợp quốc

a) Duy trì hoà bình, an ninh quốc tế

Trước hết, Liên hợp quốc góp phần ngăn ngừa không để xảy ra một cuộc chiến tranh thế giới mới kể từ năm 1945 đến nay.

Thứ hai, Liên hợp quốc triển khai hoạt động gìn giữ hòa bình ở nhiều khu vực trên thế giới, góp phần chấm dứt nhiều cuộc xung đột, như ở En Xan-va-do, Goa-tê-ma-la, Mô-dăm-bích,... và hỗ trợ cho tiến trình tái thiết ở nhiều quốc gia thành viên.

Thứ ba, Liên hợp quốc đã soạn thảo và xây dựng được hệ thống các công ước quốc tế về giải trừ quân bị, chống chạy đua vũ trang.

Trong đó, tiêu biểu là: Hiệp ước cấm phổ biến vũ khí hạt nhân (1968), Công ước cấm vũ khí hóa học (1993), Hiệp ước của Liên hợp quốc cấm vũ khí hạt nhân (2017),... tạo khuôn khổ cho việc ngăn chặn, tiến tới xóa bỏ hoàn toàn các loại vũ khí này.

Thứ tư, Liên hợp quốc đã thành công trong việc thúc đẩy quá trình giành độc lập dân tộc của các nước thuộc địa và phụ thuộc, góp phần làm gia tăng số lượng thành viên của Liên hợp quốc hiện nay là 193 nước.

b) Thúc đẩy phát triển kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế và nâng cao đời sống người dân

Liên hợp quốc với hệ thống các cơ quan, tổ chức chuyên môn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, tài chính và thương mại quốc tế đạt được nhiều thành tựu nổi bật.

Việc phát triển và hợp tác kinh tế, thương mại quốc tế là mục tiêu quan trọng được Liên hợp quốc chú trọng và xem đó là công cụ chủ yếu để phát triển kinh tế của các nước thành viên.

Thông qua các tổ chức chuyên môn và các quỹ trực thuộc, Liên hợp quốc đã thực hiện nhiều dự án, đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện, nâng cao đời sống của người dân và hỗ trợ cho công tác xóa đói, giảm nghèo, đặc biệt là ở các nước đang phát triển.

Liên hợp quốc cũng góp phần vào các hoạt động chống biến đổi khí hậu, dịch bệnh,... ở nhiều khu vực trên thế giới.

Năm 2015, Liên hợp quốc thông qua chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, đặt ra 17 mục tiêu, hành động mang tính toàn cầu đến năm 2030.

c) Đảm bảo quyền con người, phát triển văn hóa, xã hội

Ngay từ khi thành lập, Liên hợp quốc đã nỗ lực thúc đẩy việc xây dựng và kí kết những văn bản, điều ước quốc tế quan trọng nhằm đảm bảo các quyền cơ bản của con người, tạo cơ hội phát triển văn hóa, xã hội cho tất cả mọi người.

Các cơ quan và tổ chức chuyên môn của Liên hợp quốc tiến hành các hoạt động thúc đẩy sự hợp tác quốc tế giữa các quốc gia nhằm phát triển văn hóa, xã hội.

Liên hợp quốc đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng các quỹ tài trợ quốc tế để phát triển văn hóa, xã hội, trong số đó có các quỹ tài trợ cho giáo dục, tiêu biểu là Quỹ Giáo dục không thể chờ đợi (Education Cannot Wait). Chỉ tính riêng trong năm 2021, khoảng 222 triệu trẻ em ở các khu vực chiến sự và khó khăn trên thế giới đã được tiếp cận với giáo dục nhờ sự hỗ trợ của quỹ này.

BÀI 2. TRẬT TỰ THẾ GIỚI TRONG CHIẾN TRANH LẠNH

1. Quá trình hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

a) Sự hình thành Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

Hội nghị I-an-ta diễn ra vào giai đoạn cuối của Chiến tranh thế giới thứ hai, từ ngày 4 đến ngày 11-2-1945, khi phe Đồng minh giành được những thắng lợi quan trọng trên các mặt trận.

Hội nghị đưa ra những quyết định về việc kết thúc chiến tranh, tiêu diệt tận gốc phát xít Đức, quân phiệt Nhật Bản và thỏa thuận về việc đóng quân, phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á sau chiến tranh.

Ở châu Âu, quân đội Liên Xô chiếm đóng miền Đông nước Đức, Đông Béc-lin và các nước Đông Âu; quân đội Mỹ, Anh và Pháp chiếm đóng miền Tây nước Đức, Tây Béc-lin và các nước Tây Âu. Vùng Đông Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của Liên Xô; vùng Tây Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của Mỹ. Hai nước Áo và Phần Lan trở thành những nước trung lập.

Ở châu Á, hội nghị chấp nhận những điều kiện để Liên Xô tham chiến tiêu diệt quân phiệt Nhật Bản, bao gồm việc: 1. Duy trì nguyên trạng và công nhận nền độc lập của Mông Cổ; 2. Trả lại cho Liên Xô những quyền lợi bị mất sau chiến tranh Nga - Nhật (1904-1905).

Sau khi Nhật Bản đầu hàng, quân đội Mỹ chiếm đóng Nhật Bản. Ở bán đảo Triều Tiên, quân đội Liên Xô chiếm đóng miền Bắc, quân đội Mỹ chiếm đóng miền Nam, lấy vĩ tuyến 38 làm ranh giới. Trung Quốc cần trở thành một quốc gia thống nhất và dân chủ; Chính phủ Trung Hoa Dân quốc cần cải tổ với sự tham gia của Đảng Cộng sản và các đảng phái dân chủ; trả lại cho Trung Quốc vùng Mãn Châu, đảo Đài Loan và quần đảo Bành Hồ; Mỹ và Liên Xô có quyền lợi ở Trung Quốc.

Các vùng còn lại ở châu Á (Đông Nam Á, Nam Á, Tây Á) vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây.

Những quyết định của Hội nghị I-an-ta và thỏa thuận sau đó của các cường quốc đã trở thành khuôn khổ cho sự thiết lập trật tự thế giới mới, được gọi là Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

b) Quá trình tồn tại của Trật tự thế giới 2 cực Ianta

Trật tự thế giới 2 cực I-an-ta tồn tại từ năm 1945 đến năm 1991 trải qua hai giai đoạn:

Giai đoạn từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX: giai đoạn xác lập và phát triển của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta với sự đối đầu giữa một bên là Mỹ, đứng đầu hệ thống tư bản chủ nghĩa và một bên là Liên Xô, đứng đầu hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Trong giai đoạn này, Trật tự thế giới hai cực I-an-ta được định hình với sự thiết lập các khối quân sự đối đầu nhau, tiêu biểu là: Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) do Mỹ và các nước phương Tây thành lập năm 1949, Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va do Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập năm 1955. Hai cực chi phối hầu hết các lĩnh vực phát triển của thế giới.

Quan hệ quốc tế giữa hai cực trở nên căng thẳng, đặc biệt từ khi bắt đầu cuộc Chiến tranh lạnh với việc Mỹ và Liên Xô tăng cường chạy đua vũ trang, thành lập các liên minh quân sự ở nhiều khu vực trên thế giới. Đồng thời, các cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột quân sự đã xảy ra ở nhiều khu vực khác nhau đều có sự hỗ trợ của hai nước đứng đầu hai cực.

Tuy nhiên, ngay trong giai đoạn này, Trật tự thế giới hai cực I-an-ta bắt đầu bị rạn nứt trước tác động của tình hình thế giới.

Giai đoạn từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX đến năm 1991: Trật tự thế giới hai cực I-an-ta suy yếu và đi đến sụp đổ.

Trật tự hai cực I-an-ta có biểu hiện suy yếu khi xu hướng hoà hoãn bắt đầu xuất hiện từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX, với việc Liên Xô và Mỹ đạt được thoả thuận bước đầu về hạn chế vũ khí chiến lược, tiến hành cuộc gặp gỡ cấp cao đầu tiên (1972).

Từ nửa sau những năm 80 của thế kỉ XX, Liên Xô và Mỹ đẩy mạnh đối thoại, hợp tác với các cuộc gặp gỡ cấp cao. Hai nước kí kết các văn kiện hợp tác về kinh tế, thương mại, khoa học – kĩ thuật, đặc biệt là thoả thuận về việc thủ tiêu các tên lửa tầm trung ở châu Âu (1987), hạn chế cuộc chạy đua vũ trang. Năm 1989, Liên Xô và Mỹ cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu (vào cuối những năm 80 của thế kỉ XX), sự tan rã của Liên Xô (12 – 1991) đã chấm dứt sự tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

2. Nguyên nhân và tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực l-an-ta

a) Nguyên nhân sụp đổ

Sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân.

Thứ nhất, sự đối đầu căng thẳng đã khiến cho cả hai cực Xô – Mỹ đều bị tốn kém về tài chính, suy giảm thế mạnh kinh tế, phải hạn chế cuộc chạy đua vũ trang để ổn định và củng cố vị thế của mình.

Thứ hai, từ giữa những năm 70 của thế kỉ XX, cùng với những thay đổi trong quan hệ Xô - Mỹ là những chuyển biến theo hướng hoà dịu trong quan hệ giữa Đông Âu và Tây Âu.

Thứ ba, sự vươn lên nhanh chóng của các nước trên thế giới nhằm thoát khỏi ảnh hưởng của hai cực, đặc biệt, thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc và sự ra đời của hàng loạt các quốc gia độc lập đã làm thay đổi khuôn khổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

Thứ tư, sự thay đổi trong cán cân kinh tế thế giới là một yếu tố góp phần làm suy yếu Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. Sự vươn lên mạnh mẽ của Nhật Bản và các nước Tây Âu đã tạo ra những trung tâm kinh tế cạnh tranh với Mỹ; sự suy giảm sức mạnh kinh tế của Liên Xô cũng làm cho cán cân kinh tế thế giới thay đổi.

Thứ năm, cuộc khủng hoảng kinh tế, xã hội và những sai lầm trong công cuộc cải tổ đã làm suy giảm sức mạnh, dẫn tới sự tan rã của Liên Xô - quốc gia đứng đầu hệ thống xã hội chủ nghĩa, cùng với đó là sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực 1-an-ta.

b) Tác động

Sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đã tác động nhiều mặt đến tình hình thế giới.

Trước hết, sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đã mở ra một thời kì phát triển mới trong quan hệ quốc tế, thúc đẩy những xu hướng phát triển mới, đảm bảo lợi ích của các quốc gia, các dân tộc trong quan hệ quốc tế.

Thứ hai, sự tan rã của Liên Xô đã làm thay đổi so sánh lực lượng với ưu thế tạm thời thuộc về Mỹ. Tuy nhiên, vai trò của các cường quốc khác, các trung tâm kinh tế, các tổ chức quốc tế, khu vực.... ngày càng gia tăng, trong khi sức mạnh của Mỹ cũng suy giảm tương đối.

Thứ ba, sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực 1-an-ta dẫn đến sự hình thành một trật tự thế giới mới.

BÀI 3. TRẬT TỰ THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH

1. Các xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh

Chiến tranh lạnh kết thúc đã mở ra một thời kì mới của thế giới với những xu thế phát triển chính: kinh tế là trọng tâm; toàn cầu hoá; đối thoại, hợp tác; đa cực trong quan hệ quốc tế....

- *Xu thế phát triển lấy kinh tế là trọng tâm*

Sau Chiến tranh lạnh, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều điều chỉnh chiến lược phát triển tập trung vào kinh tế, nhằm tăng cường sức mạnh, tiềm lực quốc gia, đồng thời nâng cao đời sống người dân.

- *Xu thế toàn cầu hoá*

Sự kết thúc của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta và Chiến tranh lạnh, cùng với sự phát triển của cách mạng khoa học - công nghệ đã thúc đẩy mạnh mẽ quá trình toàn

cầu hoá. Toàn cầu hoá là quá trình gia tăng mạnh mẽ của những mối liên hệ, sự phụ thuộc, tác động lẫn nhau giữa các quốc gia, dân tộc và khu vực trên phạm vi toàn cầu.

- *Xu thế đối thoại, hợp tác trong quan hệ quốc tế*

Nhu cầu ổn định để phát triển kinh tế, đặc biệt là xu thế toàn cầu hoá đã thúc đẩy xu thế đối thoại, cùng hợp tác, thay cho xu thế đối đầu giữa các nước có chế độ chính trị khác nhau trong quan hệ quốc tế. Xu thế đối thoại, hợp tác dựa trên cơ sở hai bên cùng có lợi, tôn trọng lẫn nhau, cùng tồn tại hoà bình đang ngày càng trở thành xu thế chủ yếu trong các mối quan hệ quốc tế.

2. Xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế

a) Khái niệm đa cực

Đa cực là một thuật ngữ trong quan hệ quốc tế dùng để chỉ một trật tự thế giới có sự tham gia của các quốc gia, các trung tâm khác nhau, trong đó không một quốc gia nào có quyền lực áp đảo đối với các quốc gia khác, cũng như chi phối sự phát triển của thế giới.

Sự hình thành của trật tự thế giới đa cực là một tiến trình lịch sử khách quan với sự nổi lên của các cường quốc, sự gia tăng vai trò của các trung tâm, tổ chức quốc tế, phản ánh tương quan so sánh lực lượng mới trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh.

b) Xu thế đa cực

Sau Chiến tranh lạnh, xu thế đa cực trở thành một trong những xu thế phát triển chính của thế giới.

Biểu hiện của xu thế đa cực trước hết là sự gia tăng sức mạnh, tầm ảnh hưởng và vị thế về kinh tế, chính trị, quân sự, đối ngoại,... của các nước lớn như: Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Nhật Bản, một số nước thuộc Liên minh châu Âu (EU)....

Cùng với sự phát triển của Trung Quốc, Nga, thế giới còn chứng kiến sự nổi lên của Ấn Độ với mức tăng trưởng kinh tế cao liên tục trong nhiều năm. Nhật Bản và một số nước thuộc Liên minh châu Âu tiếp tục khẳng định tiềm lực kinh tế và vị thế của mình.

Thứ hai là sự suy giảm sức mạnh tương đối của Mỹ trong tương quan so sánh với các cường quốc khác.

Thứ ba là vai trò ngày càng gia tăng của các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế, khu vực.

Sau Chiến tranh lạnh, các tổ chức kinh tế, tài chính khu vực, liên khu vực có vai trò ngày càng lớn đối với sự phát triển của thế giới, tiêu biểu là: Nhóm 20 nền kinh tế lớn nhất thế giới (G20); Diễn đàn Hợp tác Á-Âu (ASEM) gồm các nước thuộc Liên minh châu Âu (EU), các nước ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc.

Trong xu thế đa cực, Mỹ và Trung Quốc là hai cực có tầm ảnh hưởng lớn, nhưng các nước lớn, các trung tâm kinh tế, chính trị khác cũng đang vươn lên mạnh mẽ để khẳng định vai trò của mình trong quan hệ quốc tế.

CHỦ ĐỀ 2 . ASEAN: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ

BÀI 4. SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

1. Quá trình hình thành và mục đích thành lập tổ chức ASEAN

a) Quá trình hình thành tổ chức ASEAN

ASEAN ra đời trong bối cảnh thế giới và khu vực Đông Nam Á có những chuyển biến quan trọng.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, xu hướng khu vực hoá trên thế giới bắt đầu xuất hiện và ngày càng trở nên phổ biến. Ở Đông Nam Á, các nước có nhu cầu hợp tác với nhau để cùng phát triển kinh tế, xã hội, đồng thời tạo ra sức mạnh tập thể trong việc ứng phó với sự tranh giành ảnh hưởng giữa các nước lớn đối với khu vực trong bối cảnh Chiến tranh lạnh.

Đầu những năm 60 của thế kỉ XX, một số tổ chức khu vực được thành lập như: Hiệp hội Đông Nam Á (1961) gồm Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin và Thái Lan; Tổ chức MAPHILINDO (1963) gồm Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, In-đô-nê-xi-a. Tuy nhiên, các tổ chức này chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn, do những bất đồng trong quan hệ song phương giữa một số nước thành viên.

Vào nửa sau những năm 60, các nước Đông Nam Á ngày càng nhận thức rõ về sự cần thiết của việc hợp tác khu vực, đồng thời quan hệ giữa các nước có những diễn biến thuận lợi cho việc thành lập một tổ chức khu vực.

Sau các cuộc thảo luận về việc thành lập tổ chức khu vực, ngày 8-8-1967, tại Băng Cốc (Thái Lan), Ngoại trưởng năm nước: In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po và Thái Lan đã thông qua Tuyên bố ASEAN (còn gọi là Tuyên bố Băng Cốc), chính thức thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (viết tắt theo tiếng Anh là ASEAN).

b) Mục đích thành lập ASEAN

ASEAN được thành lập nhằm mục đích chính là tăng cường hợp tác kinh tế, văn hoá, xã hội, tạo điều kiện cho các nước thành viên phát triển và hội nhập với khu vực, thế giới; phấn đấu để Đông Nam Á trở thành khu vực hoà bình, tự do, thịnh vượng và ASEAN trở thành tổ chức bao gồm tất cả các quốc gia Đông Nam Á.

2. Hành trình phát triển của ASEAN

a) Từ ASEAN 5 (1967) đến ASEAN 10 (1999)

Để thực hiện mục tiêu mở rộng thành viên bao gồm tất cả các nước trong khu vực, ASEAN đã trải qua hành trình hơn 30 năm để đưa ASEAN 5 trở thành ASEAN 10

- 1984 kết nạp Bru-nây
- 1995: kết nạp Việt Nam
-1997: kết nạp Lào, Mianma
- 1999: kết nạp Campuchia

Quá trình mở rộng ASEAN phù hợp với mong muốn, lợi ích của mỗi thành viên, đảm bảo hoà bình, ổn định của cả khu vực, đồng thời nâng cao vị thế của Hiệp hội trên trường quốc tế.

b) Các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (từ năm 1967 đến nay)

Bảng tóm tắt các giai đoạn phát triển chính của ASEAN

Các giai đoạn phát triển	Các tuyên bố, hiệp định quan trọng
1967-1976: Giai đoạn khởi đầu, xây dựng nền móng ban đầu, tạo tiến để cho sự hợp tác ASEAN, tập trung vào hợp tác chính trị - an ninh "xây dựng lòng tin và học cách hoà giải".	Ra Tuyên bố về Khu vực Hoà bình, Tự do và Trung lập (ZOPFAN, 1971).
1976-1999: Giai đoạn xây dựng quan hệ chính trị ổn định, tạo điều kiện phát triển và hợp tác kinh tế giữa các thành viên; mở rộng ASEAN 5 thành ASEAN 10; từng bước nâng cao uy tín ASEAN trên trường quốc tế, bước đầu mở rộng quan hệ hợp tác, đối thoại với bên ngoài.	- Ra Tuyên bố về sự Hoà hợp ASEAN (Tuyên bố Ba-li I), kí Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á (TAC, 1976),...
1999-2015: Giai đoạn hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường hợp tác nội khối và ngoại khối về chính trị - an ninh, kinh tế - thương mại và các lĩnh vực khác; khẳng định uy tín, vai trò của ASEAN.	Kí Hiệp định khung về tăng cường hợp tác kinh tế ASEAN và thoả thuận về Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN (AFTA, 1992), thành lập Diễn đàn khu vực ASEAN (ARE, 1994). Ra Tuyên bố Ba là II (2003), công bố Hiến chương ASEAN (2007),...
2015 đến nay: Thành lập và xây dựng Cộng đồng ASEAN với ba trụ cột chính trị - an ninh, kinh tế, văn hoá - xã hội; đẩy mạnh hợp tác bên trong ASEAN và bên ngoài ASEAN với các đối tác đối thoại, nâng cao uy tín. vai trò của ASEAN ở khu vực và trên thế giới.	Ra Tuyên bố thành lập Cộng đồng ASEAN (2015), thông qua Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 (2015), Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau năm 2025 (2020)....

BÀI 5. CỘNG ĐỒNG ASEAN: TỪ Ý TƯỞNG ĐẾN HIỆN THỰC

1. Ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN

a) Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN

Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN đã khởi nguồn từ khi ASEAN thành lập. Tuyên bố Băng Cốc (1967) đã nêu ra mục tiêu xây dựng một cộng đồng thịnh vượng và hoà bình ở Đông Nam Á.

Sau 30 năm phát triển và mở rộng, ASEAN chính thức khẳng định ý tưởng thành lập Cộng đồng ASEAN tại Hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức được tổ chức tại Ma-lai-xi-a (1997). Các nước thành viên thông qua văn kiện Tầm nhìn ASEAN 2020, nêu rõ việc xây dựng Cộng đồng ASEAN, định hướng cho sự phát triển trong tương lai của ASEAN.

Với ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN, mục tiêu hợp tác về kinh tế, chính trị -an ninh, văn hoá - xã hội giữa các nước thành viên sẽ được phát triển lên một nấc thang mới, đáp ứng nguyện vọng của các quốc gia thành viên về một khu vực Đông Nam Á gắn kết, hữu nghị và hợp tác.

b) Mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN

Mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN là đưa ASEAN trở thành một cộng đồng với ba trụ cột có mức độ liên kết sâu rộng hơn, ràng buộc hơn trên cơ sở pháp lí là Hiến chương ASEAN, đồng thời mở rộng hợp tác với bên ngoài.

c) Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN

Để thực hiện mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN, các nước thành viên đã thông qua kế hoạch triển khai cụ thể trên ba trụ cột: Chính trị – An ninh, Kinh tế, Văn hoá - Xã hội.

Kế hoạch được nêu rõ trong văn bản "Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN (2009-2015)", được thông qua tại Hội nghị cấp cao ASEAN 14 ở Thái Lan (2009), nhằm đưa ASEAN trở thành cộng đồng gắn kết hơn về kinh tế, chính trị - an ninh, có trách nhiệm về xã hội đối với người dân.

Về quan hệ đối ngoại, ASEAN tăng cường thực hiện các biện pháp mở rộng quan hệ hợp tác với bên ngoài, thông qua cơ chế hợp tác khu vực do ASEAN giữ vai trò chủ đạo.

Sau sáu năm thực hiện, đến năm 2015, ASEAN đã hoàn thành về cơ bản việc triển khai các kế hoạch xây dựng cộng đồng. Trên cơ sở đó, ngày 22-11-2015, các nhà lãnh đạo ASEAN đã kí Tuyên bố thành lập Cộng đồng ASEAN, chính thức thành lập Cộng đồng ASEAN kể từ ngày 31-12-2015.

2. Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN

Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN bao gồm: Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN (APSC), Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) và Cộng đồng Văn hoá - Xã hội ASEAN (ASCC).

a) Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN (APSC)

Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN được xây dựng trên nền tảng những thành quả hợp tác chính trị – an ninh đã đạt được, nhằm mục tiêu tạo dựng môi trường hoà bình và an ninh ở khu vực, nâng hợp tác chính trị - an ninh lên một nấc thang mới cao hơn và chặt chẽ hơn, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của ASEAN.

b) Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC)

Cộng đồng Kinh tế ASEAN là sự tiếp nối các chương trình hợp tác kinh tế của ASEAN trước đây, được mở rộng hơn về phạm vi, mức độ hợp tác kinh tế, thương mại....

Nội dung chính của Cộng đồng Kinh tế ASEAN bao gồm: tạo ra một thị trường và cơ sở sản xuất chung, trong đó có sự lưu chuyển tự do của hàng hoá, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề; xây dựng khu vực kinh tế có sức cạnh tranh cao, năng động, phát triển đồng đều, hội nhập đầy đủ vào nền kinh tế toàn cầu.

c) Cộng đồng Văn hoá - Xã hội ASEAN (ASCC)

Cộng đồng Văn hoá - Xã hội ASEAN là một khuôn khổ hợp tác chặt chẽ với các quy định và tiêu chuẩn chung để tạo sự hài hoà, bình đẳng và công bằng xã hội, nâng cao ý thức về cộng đồng và bản sắc chung ASEAN.

Có nền tảng từ sự phát triển các giá trị văn hoá truyền thống lâu đời, Cộng đồng Văn hoá - Xã hội ASEAN là một trụ cột quan trọng, gắn kết và tạo thuận lợi cho việc xây dựng hai trụ cột Kinh tế và Chính trị – An ninh.

3. Cộng đồng ASEAN sau năm 2015

- *Tầm nhìn ASEAN sau năm 2015*

Sau khi thành lập Cộng đồng ASEAN, các nước ASEAN tiếp tục đưa ra định hướng cho một giai đoạn phát triển mới sau năm 2015 với nội dung định hướng là tiếp tục củng cố, làm sâu sắc hơn các lĩnh vực hợp tác.

Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 37 tại Hà Nội (2020) đã nhất trí thông qua việc xây dựng Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau năm 2025, hướng tới việc gắn kết chặt chẽ các nội dung hợp tác trên cả ba trụ cột (Công đồng Chính trị – An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hoá - Xã hội), đồng thời bổ sung những nội dung mới như: hợp tác về chuyển đổi số, phát triển nền kinh tế số, kinh tế xanh,...

- *Những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN*

Trong quá trình phát triển, Cộng đồng ASEAN phải đối mặt với những thách thức trong nội khối và từ bên ngoài.

Trong nội khối, những thách thức cơ bản đối với Cộng đồng ASEAN về chính trị là sự đa dạng về chế độ chính trị, tình hình chính trị ở một số nước còn phức tạp, còn tồn tại một số mâu thuẫn trong quan hệ song phương,.... Về kinh tế, sự chênh lệch về thu nhập, trình độ phát triển.... giữa các nước gây khó khăn trong hợp tác nội khối: sự tương đồng trong sản xuất một số ngành nghề cũng tạo ra sự cạnh tranh trong xuất khẩu,...

Bên cạnh đó, những thách thức từ bên ngoài cũng tác động đến Cộng đồng ASEAN như: cạnh tranh ảnh hưởng của các nước lớn đối với khu vực, diễn biến

phức tạp của tình hình Biển Đông và tình hình quốc tế; biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh.... Để vượt qua những thách thức, các nước ASEAN đã và đang đẩy nhanh quá trình triển khai các kế hoạch đã đề ra vì lợi ích chung, lâu dài của cả cộng đồng.

Về triển vọng, ASEAN sẽ tiếp tục phát triển với mức độ liên kết, hợp tác ngày càng sâu rộng trên cả ba trụ cột, tiếp tục là một trong những khu vực phát triển năng động nhất trên thế giới. Về đối ngoại, ASEAN có quan hệ rộng mở với các đối tác bên ngoài, đồng thời có uy tín, vị thế ngày càng cao trong khu vực và trên thế giới.

CHỦ ĐỀ 3. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THÁNG 8 NĂM 1945 ĐẾN NAY)

BÀI 6. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

1. Bối cảnh lịch sử

Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc.

Từ ngày 17-7-1945 đến ngày 2-8-1945, Hội nghị Pốt-xđam quyết định giao việc giải giáp vũ khí của quân phiệt Nhật Bản ở Đông Dương cho quân Trung Hoa Dân quốc ở khu vực phía Bắc vĩ tuyến 16, cho quân Anh ở khu vực phía Nam vĩ tuyến 16. Ngày 6 và ngày 9-8-1945, Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống thành phố Hi-rô-si-ma và Na-ga-xa-ki của Nhật Bản. Cũng trong ngày 9-8-1945, quân đội Xô viết tấn công đạo quân Quan Đông của Nhật Bản ở Đông Bắc Trung Quốc.

Đến ngày 15-8- 1945, Nhật Bản tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Ngay sau khi Nhật Bản tuyên bố đầu hàng Đồng minh, quân Nhật ở Đông Dương rệu rã, Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim hoang mang. Điều kiện khách quan thuận lợi cho cuộc Tổng khởi nghĩa đã đến.

Trước đó, từ tháng 3 đến tháng 8 – 1945, cao trào kháng Nhật, cứu nước đã diễn ra trong cả nước, góp phần chuẩn bị lực lượng, tập dượt cho quần chúng đấu tranh, sẵn sàng tổng khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ đến.

Ngày 13-8-1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập Uỷ ban Khởi nghĩa toàn quốc, ban bố Quân lệnh số 1, chính thức phát động Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

Ngày 14, 15-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (tỉnh Tuyên Quang), thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa và quyết định những văn đề quan trọng về chính sách đối nội, đối ngoại sau khi giành được chính quyền.

Ngày 16, 17/8– 1945, Đại hội Quốc dân được triệu tập tại Tân Trào. Đại hội tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, cử ra Uỷ ban Dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

2. Diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945

Đến giữa tháng 8 – 1945, khí thế cách mạng đã sục sôi trong cả nước. Từ ngày 14 - 8, một số cấp bộ Đảng và tổ chức Việt Minh căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương đã phát động nhân dân khởi nghĩa.

Chiều ngày 16-8-1945, một đơn vị Giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, xuất phát từ Tân Trào tiến về giải phóng tỉnh lị Thái Nguyên, mở đường tiến về Hà Nội.

Ngày 18-8-1945, nhân dân Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh và Quảng Nam giành được chính quyền ở tỉnh lị sớm nhất trong cả nước.

Tại Hà Nội, ngày 19-8-1945, quần chúng cách mạng có sự hỗ trợ của các đội tự vệ chiến đấu lần lượt chiếm Phủ Khâm sai, Sở Cảnh sát Trung ương, Sở Bưu điện,... Đến tối, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi.

Tại Huế, ngày 23 - 8, hàng vạn quần chúng biểu tình thị uy, chiếm các công sở giành chính quyền về tay nhân dân.

Ngày 25-8, sau khi chiếm được các cơ quan đầu não của chính quyền cũ như: Sở Mật thám, Sở Cảnh sát... nhân dân Sài Gòn và các vùng phụ cận đã tham gia cuộc mít tinh lớn do Mặt trận Việt Minh tổ chức, chính quyền cách mạng ra mắt nhân dân. Khởi nghĩa ở Sài Gòn giành thắng lợi.

Các địa phương khác trong cả nước từ rừng núi, nông thôn, thành thị nối tiếp nhau khởi nghĩa. Đến ngày 28-8, Đồng Nai Thượng và Hà Tiên là những địa phương cuối cùng giành chính quyền.

Trong Cách mạng tháng Tám, trước áp lực và hoạt động khôn khéo của lực lượng cách mạng, quân Nhật ở Hà Nội và các địa phương phải án binh bất động, không can thiệp vào tiến trình khởi nghĩa. Nhờ đó, khởi nghĩa diễn ra nhanh chóng và ít đổ máu.

Ngày 30-8-1945, vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị, chế độ phong kiến Việt Nam hoàn toàn sụp đổ.

Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố với toàn thể nhân dân và thế giới sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

3. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945

a) Nguyên nhân thắng lợi

- *Nguyên nhân chủ quan*

Đường lối lãnh đạo cách mạng đúng đắn, sáng tạo

Đảng Cộng sản Đông Dương và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin để lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Trung ương Đảng và Mặt trận Việt Minh đã linh hoạt, sáng tạo trong lãnh đạo chớp thời cơ, phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền trong cả nước.

Truyền thống yêu nước, đoàn kết của nhân dân

Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống yêu nước, đoàn kết: vì vậy, khi Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc thì toàn dân đã đoàn kết, đồng lòng đứng lên cứu nước.

Quá trình chuẩn bị lâu dài, chu đáo

Đảng Cộng sản Đông Dương đã có quá trình chuẩn bị liên tục trong suốt 15 năm. Lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, căn cứ địa cách mạng từng bước được xây dựng, củng cố, quần chúng được tập dượt đấu tranh. Trong quá trình khởi nghĩa giành chính quyền, có sự phối hợp sáng tạo giữa các lực lượng và hình thức đấu tranh: lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang; đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang và đấu tranh ngoại giao.

- *Nguyên nhân khách quan*

Thắng lợi của lực lượng Đồng minh và Hồng quân Liên Xô trong cuộc chiến tranh chống phát xít, đặc biệt là chiến thắng quân phiệt Nhật Bản, đã tạo ra điều kiện khách quan thuận lợi, củng cố niềm tin cho toàn Đảng, toàn dân vào thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam.

b) Ý nghĩa lịch sử

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là sự kiện lịch sử vĩ đại, đã lật đổ ách cai trị của thực dân Pháp trong hơn 80 năm, của quân phiệt Nhật Bản gần 5 năm; chấm dứt thời kì quân chủ hơn 1000 năm; lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, Đảng Cộng sản Đông Dương từ một đảng hoạt động bí mật trở thành đảng cầm quyền, nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước.

Cách mạng tháng Tám đã đánh dấu một bước tiến nhảy vọt trong lịch sử dân tộc: mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do và phát triển dưới chế độ dân chủ cộng hoà.

Cuộc cách mạng đã chứng tỏ năng lực lãnh đạo của Đảng Cộng sản, sự sáng tạo và tinh thần yêu nước của nhân dân; chuẩn bị điều kiện cho những thắng lợi tiếp theo của cách mạng Việt Nam.

Về mặt quốc tế, Cách mạng tháng Tám đã góp phần vào thắng lợi của các lực lượng hoà bình, dân chủ, tiến bộ trong cuộc đấu tranh chống phát xít, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân và cổ vũ tinh thần đấu tranh của nhân dân các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc trên thế giới.

c) Bài học kinh nghiệm

- **Bài học về sự lãnh đạo của Đảng:** Đảng là nhân tố quyết định đối với thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Do đó, Đảng phải có đường lối đúng đắn trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào thực tiễn Việt Nam; chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong lãnh đạo cách mạng.

- **Bài học về xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc**: Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 gắn liền với vai trò quan trọng của Mặt trận Việt Minh trong tập hợp, tổ chức và đoàn kết toàn dân. Thực tiễn đó cho thấy, cần có các hình thức phong phú, sáng tạo để tập hợp, tổ chức quần chúng, đẩy

mạnh các phong trào thi đua để khơi dậy tinh thần yêu nước và sức mạnh đoàn kết dân tộc.

- **Bài học về nắm bắt thời cơ**: Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám cho thấy cần xác định đúng thời cơ, chủ động và mau lẹ chớp thời cơ hành động nhằm đưa cách mạng đến thành công.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

Bài kiểm tra gồm có **2** phần

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn: có 24 câu mỗi câu 0,25 điểm.

Tổng 6,0 điểm

2. Trắc nghiệm đúng – sai: có 4 câu mỗi câu có 4 ý, mỗi ý 0,25 điểm

Tổng 4,0 điểm

Thời gian làm bài 45 phút.